

NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY KHOA HỌC CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CƠ SỞ ĐẢNG, NHẪM TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NÔNG THÔN NƯỚC TA HIỆN NAY

**Improving Scientific Thinking Capacity of Party Staff at Grassroots Level
to enhance the Effectiveness of Implementing Fundamentally Democratic Regulation
in Rural Vietnam nowadays**

Lê Diệp Đình

Khoa Lý luận chính trị và xã hội, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

TÓM TẮT

Thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước 20 năm và 10 năm thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã chỉ ra rằng, ở đâu, cơ sở Đảng vững mạnh, lãnh đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đạt nhiều kết quả, ở đó sản xuất, đời sống phát triển, an ninh, an toàn xã hội được giữ vững và ngược lại. Để nâng cao năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng, tăng cường hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, các cơ sở Đảng phải làm nhiều việc. Với phương pháp tiếp cận hệ thống, các phương pháp thu thập thông tin, cùng với các phương pháp nghiên cứu cụ thể khác, tác giả cố gắng phân tích, làm sáng tỏ việc nâng cao năng lực tư duy khoa học, tiếp tục thực hiện đổi mới tư duy cho cán bộ, đảng viên ở các cơ sở Đảng, làm cho nhận thức của cơ sở Đảng đúng đắn hơn, chính xác hơn về vai trò, vị trí của nông thôn, nông dân, nông nghiệp; vai trò, vị trí của kinh tế hộ gia đình nông dân... hiện nay, có ý nghĩa quyết định, tạo ra động lực để hoàn thiện từng bước nền dân chủ XHCN ở nông thôn nước ta, đưa nông thôn, nông nghiệp nước ta tiến tới giàu mạnh, văn minh, hiện đại.

Từ khoá: Cơ sở Đảng, nông nghiệp, nông thôn, quy chế dân chủ.

SUMMARY

The reality of 20 years of renovation and 10 years of implementing fundamentally democratic regulation has proved that it is the powerful foundation of the party with effective democratic regulation that brings the development of production and livelihood, and hold fast the security and safety of the whole society. A lot of work has been done to enhance the management capability of the fundamental party and to reinforce the effectiveness of implementing fundamental democratic regulation. With the method of system approaching, information collecting and other kinds of specific scientific research, the author of this article has analyzed and clarified the enhancement of scientific thought and the continuing of personnel thinking renovation, so that the awareness of the whole fundamental party become more proper in the field related to agriculture, farmers and the role of household economy. These are of great importance, and is the corner stone to perfect the democratic socialism in rural Vietnam, bring agriculture and rural areas of Vietnam to richness, civilization and modernization.

Key words: Agriculture, democratic regulation, rural areas, Socialist Party grassroots.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngay từ những năm đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) trên

phạm vi cả nước, Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN) đã khẳng định, con đường, cách thức đi lên CNXH của nước ta là: Đảng lãnh đạo,

nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Tổng kết thực tiễn lãnh đạo công cuộc xây dựng đất nước những năm sau đó, dần dần, Đảng ta đã nhận thức ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn vai trò lãnh đạo của Đảng, vai trò tổ chức, quản lý của nhà nước và vai trò làm chủ của quần chúng nhân dân; Đảng chỉ ra rằng: Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ bằng nhà nước, đó chính là cơ chế vận hành xã hội ta trong quá trình đi lên CNXH. Và khẳng định: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân” là bài học lớn dẫn tới thành công của 20 năm đổi mới đất nước (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, 2006).

Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Kinh nghiệm thực tiễn của tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng, còn chỉ ra rằng, thắng lợi của cách mạng Việt Nam là thắng lợi của đường lối dân chủ của Đảng vận dụng thích hợp vào những điều kiện lịch sử cụ thể trong những thời điểm quyết định. Nghĩa là, điều trọng yếu, trước tiên dẫn tới thành công của cách mạng nước ta, chính là thực hiện cơ chế, Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ bằng nhà nước ngay từ cơ sở.

Sự vận động và phát triển của thực tiễn cách mạng đất nước đang đứng trước nhiều vận hội và thử thách to lớn. Nguy cơ tụt hậu về kinh tế, suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống... diễn ra ngày càng có chiều hướng phức tạp, khó lường. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, trước hết là thực hiện dân chủ ở cơ sở đã và đang trở thành nhu cầu khách quan, cấp bách hiện nay.

Bài viết này đi sâu phân tích mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa nâng cao năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng với xây dựng hoàn thiện nền dân chủ XHCN mà trọng tâm là thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, theo tinh thần Chỉ thị 30-CT/TU ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị, nhằm chỉ ra

những đòi hỏi khách quan, cũng như các giải pháp thiết thực, đáp ứng nhu cầu tăng cường hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay theo định hướng của Nghị quyết Đại hội X của Đảng.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận

Dân chủ có nghĩa là dân là chủ và dân làm chủ. Muốn dân chủ thật sự phải thực hiện: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Dân ở đây, trước hết và chủ yếu là nhân dân lao động, đó là những người lao động (chân tay và trí óc) miệt mài, sáng tạo, tạo ra của cải vật chất và của cải tinh thần, giữ cho xã hội tồn tại và phát triển. Họ là những người trực tiếp đối đầu với những thách thức, nhạy cảm với mâu thuẫn, và cũng chính họ là những người giải quyết mâu thuẫn. Sức mạnh của nhân dân là rất to lớn, “người nâng thuyền cũng là sức dân, người lật thuyền cũng là sức dân” (Nguyễn Trãi), “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong” (Hồ Chí Minh). Dân là tất cả. Bắt đầu từ dân, mọi việc do dân, dân vừa là điểm xuất phát, vừa là mục tiêu cuối cùng, vừa là động lực của sự phát triển. Dân có vai trò, vị trí lớn lao như vậy, nhưng muốn có sức mạnh và phát huy được sức mạnh của dân, dân cần phải được tổ chức, cần sự lãnh đạo. Nếu không có tổ chức, không có sự lãnh đạo của Đảng cách mạng được trang bị lý luận khoa học, sức mạnh của dân có thể bị mai một, chệch hướng, bị lợi dụng vào mục đích cá nhân, phường hội, hoặc tự phát vô chính phủ.

Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cùng với sự phát triển của cách mạng, năng lực lãnh đạo của Đảng cũng cần phải không ngừng được nâng cao, nhất là trước những bước phát triển mới về chất của thực tiễn. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng

là vấn đề hết sức phức tạp và chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, trước tình hình phát triển phức tạp của điều kiện quốc tế và trong nước hiện nay; công cuộc hội nhập với thế giới càng phát triển về bề rộng và chiều sâu; thành tựu của thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở rất to lớn, nhưng thiếu sót hạn chế cũng còn khá nặng nề (Trương Quang Đước, 2002; Nguyễn Linh Khiếu, 2007) thì yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng là phải nâng cao năng lực tư duy khoa học cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng nói chung và ở cơ sở nói riêng.

Hệ thống tổ chức của Đảng được xác lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của nhà nước (Điều lệ Đảng CSVN, 2006). Tổ chức cơ sở Đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị, là “người” lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở. Cơ sở Đảng là nơi trực tiếp gắn lý luận với thực tiễn, tổ chức thành công mọi chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, cơ sở Đảng còn là cầu nối trực tiếp giữa Đảng với dân, dân với Đảng, là nơi chứng minh chân lý và sai lầm. Cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng trực tiếp đương đầu với mọi thử thách, phát hiện và giải quyết mâu thuẫn. Uy tín của Đảng trước hết từ cơ sở, thành công của Đảng cũng bắt đầu từ những thành công ở các cơ sở. Kinh nghiệm của Đảng, trí tuệ của Đảng cũng từ cơ sở mà đi lên. Vì vậy, nâng cao năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng có ý nghĩa rất to lớn. Mọi cơ sở Đảng mạnh, Đảng mới vững mạnh.

Năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng được thể hiện chủ yếu ở hai nội dung sau đây:

Một là, năng lực xây dựng và quyết sách các chủ trương, kế hoạch phát triển của địa phương. Đó chính là sự vận dụng các chủ trương, chính sách của cấp trên phù hợp điều kiện, hình thành chủ trương, kế hoạch hành động cụ thể của địa phương. Việc xây dựng các quyết sách đúng đắn, đem lại hiệu quả cao, phụ thuộc trước hết vào năng lực nhận thức khoa học, đánh giá đúng đắn thực

trạng điều kiện của địa phương, năng lực quán triệt các chủ trương, chính sách của cấp trên thành mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp hành động cụ thể và khả năng tạo động lực hoạt động, thúc đẩy quần chúng nhân dân, nỗ lực, quyết tâm hành động đạt mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ đề ra.. Như vậy, rõ ràng năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng phụ thuộc vào năng lực tư duy của cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Năng lực tư duy của cơ sở Đảng càng phát triển, các quyết sách của cơ sở Đảng càng trí tuệ, có chất lượng càng cao, uy tín, vai trò lãnh đạo của cơ sở Đảng càng được khẳng định, và ngược lại.

Hai là, năng lực tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Đó là năng lực vận động, tổ chức quần chúng; giác ngộ, thuyết phục quần chúng. Đó là năng lực “đưa” các chủ trương, quyết sách của cơ sở Đảng đến với dân, biến thành hành động thực tiễn của dân. Năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn của dân bao gồm hai khâu chủ yếu, trước hết là sự vận dụng, biến các chủ trương, quyết sách của cơ sở Đảng đến với dân, tổ chức dân thực hiện. Hai là, kịp thời tổng kết hoạt động thực tiễn của dân, (tất nhiên, cán bộ, đảng viên cơ sở cũng nằm trong dân, là dân) rút ra bài học kinh nghiệm, nhằm điều chỉnh các chủ trương, quyết sách đã có, hoặc bổ sung, xây dựng các quyết sách mới. Hai khâu của quá trình tổ chức thực tiễn nói trên bổ sung cho nhau, và đều phụ thuộc vào năng lực tư duy của cơ sở Đảng. Năng lực tư duy của cơ sở Đảng càng đúng đắn, càng khoa học, thì hiệu quả tổ chức thực hiện của quần chúng càng cao, tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển chủ trương, quyết sách của cơ sở càng sâu sắc, phong phú, thiết thực và ngược lại.

Thực tiễn thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở 10 năm qua đã chứng tỏ vai trò to lớn của quy chế dân chủ ở cơ sở - Chỉ thị 30 CT/TU của Bộ Chính trị trung ương Đảng và các nghị định của Chính phủ sau đó - cũng chứng tỏ vai trò to lớn, mang ý nghĩa quyết

định thắng lợi của năng lực lãnh đạo của các cơ sở Đảng. Ở cơ sở xã, phường nào, cơ quan, trường học nào có cơ sở Đảng vững mạnh, trong sạch, ở đó hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cao, nhân dân phấn khởi, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, sản xuất, đời sống của nhân dân phát triển và ngược lại. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng CSVN lần thứ X đã khẳng định: “Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở có ý nghĩa quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” (Đảng CSVN, 2006).

Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là ở nông thôn, đang đứng trước nhiều thách thức gay gắt, trước hết, chính là sự chưa đáp ứng của trình độ dân trí, sự bất cập của năng lực cán bộ cơ sở Đảng... (Vũ Như Khôi, 2007; Đinh Công Tuấn, 2008). Vì thế, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy khoa học của cơ sở Đảng, đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở hiện nay chính là con đường đưa nông thôn nước ta tiến tới giàu, mạnh, công bằng, văn minh.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ bằng nhà nước là một hệ thống, một chỉnh thể thống nhất. Mỗi nhân tố hợp thành chỉnh thể thống nhất ấy có vai trò, vị trí khác nhau, nhưng đều vì mục tiêu chung là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, để phân tích làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ hệ thống, cũng như vai trò thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của nhân dân, cần phải quán triệt quan điểm hệ thống, kết hợp quan điểm hệ thống với quan điểm phát triển, quan điểm lịch sử cụ thể. Có nghĩa là phải đặt sự lãnh đạo của cơ sở Đảng vào mối quan hệ tổng thể của hệ thống: Đảng lãnh đạo - nhân dân làm chủ - nhà nước tổ chức quản lý. Đồng thời phải đặt hệ thống ấy trong trạng thái vận động, phát

triển của nó trong sự vận động, phát triển chung của đời sống cộng đồng nông thôn để nghiên cứu. Ngoài ra, để rút ra những kết luận xác đáng, những bài học kinh nghiệm thiết thực, khi nghiên cứu còn phải quán triệt nguyên tắc khách quan, nguyên tắc phát huy tính tích cực chủ quan và các phương pháp nghiên cứu cụ thể khác như các phương pháp thu thập thông tin và các phương pháp phân tích, tổng hợp thông tin. Kết hợp với những ý kiến, những kết quả nghiên cứu của đồng nghiệp và của các nhà khoa học thuộc lĩnh vực xã hội học nông thôn, kinh tế, phát triển nông thôn... Từ đó, đề xuất giải pháp cần thiết trong phạm vi nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ THẢO LUẬN

3.1. Các loại hình cơ sở và thực trạng năng lực tư duy của cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng nông thôn nước ta hiện nay

Hiện tại, trên phạm vi cả nước, các loại hình cơ sở Đảng là khá phong phú và đa dạng. Tùy thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ, nội dung công việc, các loại hình cơ sở Đảng có những hình thức hoạt động khác nhau. Ở các vùng nông thôn, có 3 loại hình cơ sở Đảng chủ yếu, đó là loại hình cơ sở Đảng cấp xã (thị trấn), loại hình cơ sở Đảng trong các cơ quan, xí nghiệp nhà nước và loại hình cơ sở Đảng trong các trường học, bệnh viện. Trong từng loại hình ấy, tùy theo đặc điểm hoạt động và hoàn cảnh cụ thể, lại phân chia thành các loại hình cụ thể khác nhau, như: cơ sở Đảng xã đồng bằng, cơ sở Đảng xã trung du, cơ sở Đảng xã miền núi, cơ sở Đảng trường tiểu học, cơ sở Đảng trường trung học phổ thông... ở mỗi loại hình cơ sở Đảng ấy lại có các hình thức tổ chức, tính chất hoạt động và năng lực lãnh đạo của cơ sở Đảng không giống nhau, ví dụ: cơ sở Đảng xã đồng bằng và cơ sở Đảng xã miền núi có sự chênh lệch rất lớn về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc,

trình độ dân trí và nhất là năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên. Giữa cơ sở Đảng xã nông thôn và cơ sở Đảng trường học, bệnh viện; cơ sở Đảng trong các cơ quan hành chính nhà nước (thị trấn, thị tứ) và cơ sở Đảng trong các tổ chức sản xuất dịch vụ... cũng có sự chênh lệch tương tự về các mặt. Vì thế, kết quả, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở các cơ sở ấy cũng không đồng đều, và có sự đan xen phức tạp giữa các mức độ. Căn cứ vào yêu cầu của việc thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở, có thể khái quát chỉ ra 3 mức độ khác nhau của kết quả, hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở tương ứng với 3 loại hình cơ sở Đảng kể trên là như sau:

Thứ nhất, mức độ kết quả thấp. ở các cơ sở vùng sâu, vùng xa, nhất là ở khu vực nông thôn miền núi, điều kiện kinh tế, xã hội lạc hậu, sản xuất kém phát triển, dân trí thấp, cơ sở vật chất nghèo nàn...; năng lực lãnh đạo của cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu của thực hiện qui chế dân chủ nên thường rơi vào lúng túng, bị động, chờ đợi khi triển khai công việc, thậm chí cán bộ kiểm tra huyện về bảo gì, chỉ biết làm lấy...(Đình Công Tuấn, 2008).

Thứ hai, mức độ kết quả trung bình khá. ở các cơ sở vùng nông thôn đồng bằng, do chịu sự tác động mạnh mẽ của CNH, HDH và kinh tế thị trường; do được thừa hưởng thành quả của giáo dục đào tạo, năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy của cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng ở đây phát triển hơn, cao hơn, nghĩ và làm năng động, sáng tạo hơn. Khá nhiều cơ sở Đảng, cán bộ, đảng viên đã được học tập, đào tạo có bài bản, vì vậy, việc tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có kết quả, hiệu quả cao, uy tín của Đảng được giữ vững, đời sống của nhân dân được cải thiện (Nguyễn Hạnh Phúc, 2007; báo Pháp luật Việt Nam ngày 15/9/2008).

Thứ ba, mức độ kết quả khá. Trong các trường học, bệnh viện, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ở thị trấn, thị tứ, đối tượng hoạt động của các cơ sở Đảng ở đây là

con người, là người dân. Tính chất hoạt động, nội dung công việc và yêu cầu nhiệm vụ có khác so với các loại hình cơ sở khác. Vì vậy, trên thực tế, năng lực lãnh đạo và năng lực tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng ở đây có sắc thái riêng, vừa khoa học, vừa nhân văn; vừa sâu sắc cũng rất tế nhị. Kết quả thực hiện qui chế dân chủ ở các cơ sở này vì vậy là khá tốt.

Việc phân biệt 3 mức độ khác nhau của kết quả, hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ cơ sở của các cơ sở Đảng như trình bày ở trên chỉ có ý nghĩa lý luận và mang tính tương đối. Trong thực tế, ba mức độ trên ở các cơ sở Đảng có sự tồn tại đan xen, xâm nhập vào nhau, đa dạng và phức tạp.

Năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy của các cơ sở Đảng thuộc phạm trù chủ quan, gắn liền với kết quả, hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở. Nó chính là sản phẩm của sự phản ánh khách thể bởi chủ thể. Nói cách khác, năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy của các cơ sở Đảng, cũng như của cán bộ, đảng viên ở cơ sở, là sản phẩm của quá trình tích lũy kinh nghiệm hoạt động của các cơ sở Đảng, của từng cán bộ, đảng viên; là sản phẩm của sự học tập, rèn luyện; là sản phẩm của sự phản ánh sự phát triển của sản xuất và đời sống xã hội; là sản phẩm của công cuộc đổi mới đất nước 20 năm và của mở cửa hội nhập với thế giới nhiều năm qua. Trong các nhân tố tạo nên năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy của cơ sở Đảng nói trên, quan trọng nhất và có ý nghĩa quyết định nhất, đó là tác động của sản xuất xã hội; của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Xuất phát từ quan điểm trên, từ thực tiễn thực hiện quy chế dân chủ cơ sở 10 năm qua ở nông thôn nước ta, có thể khái quát chỉ ra một số đặc điểm chủ yếu của thực trạng năng lực tư duy của cán bộ, đảng viên ở các cơ sở Đảng là như sau:

Thứ nhất, về phẩm chất của tư duy, phẩm chất của tư duy nói lên giá trị của tư duy, khuynh hướng phát triển của tư duy.

Tư duy ấy phản ánh đúng đắn hiện thực đến mức nào? Nó được sử dụng để làm gì? Dem lại lợi ích cho ai? Sự phát triển của tư duy có ngày càng “tiệm cận” đến chân lý khách quan hay không? Kết quả tư duy có được xã hội chấp nhận hay không và chấp nhận đến mức độ nào? Tổng kết thực tiễn thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nông thôn nước ta trong 10 năm qua, thấy rằng, mặc dù hướng chủ đạo của tư duy của các cơ sở Đảng là đúng đắn, cán bộ, đảng viên ở các cơ sở Đảng hầu hết đều xác định rõ trách nhiệm của mình và tích cực, hăng hái, gương mẫu trong hoạt động, trong công tác, thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc công khai, minh bạch trong phạm vi công việc mình phụ trách (Trần Đắc Hiếu và Thang Văn Phúc, 2006; Đinh Công Tuấn, 2008). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều biểu hiện thụ động, chờ đợi, né tránh, không dám nói thẳng, nói thật, đôi khi có biểu hiện lợi dụng dân chủ để lôi kéo, phùng hội, tranh giành, gây chia rẽ mất đoàn kết ở nông thôn (Vũ Như Khôi, 2007; Nguyễn Linh Khiếu, 2007). Như vậy, ở đây có sự đan xen phức tạp của những phẩm chất tư duy khác nhau, đối lập nhau, ở những mức độ khác nhau. Bên cạnh dòng tư duy chính thống phản ánh đúng đắn thành tựu 20 năm đổi mới đất nước, phản ánh đúng đắn sự định hướng XHCN của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, là các dòng tư duy cũ, sản phẩm của thời bao cấp, và dòng tư duy cá nhân, ích kỷ vốn do nền kinh tế dựa trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất sinh ra (cả tư hữu phong kiến và tư hữu tư bản chủ nghĩa).

Thứ hai, về trình độ tư duy. Trình độ tư duy nói lên mức độ cao thấp của tư duy, nói lên tư duy ấy nếu được vận dụng vào thực tiễn thì có thể làm được gì, không làm được gì, và làm được đến mức độ nào? Trình độ tư duy có thể phân thành hai cấp độ cao, thấp khác nhau chủ yếu, đó là tư duy lý luận và tư duy kinh nghiệm. Tư duy lý luận có tầm khái quát cao và bao quát rộng lớn. Nhờ tư

duy lý luận, chủ thể tư duy không chỉ nắm được cái một mà còn nắm được cái nhiều; biết cái bộ phận, biết cả cái toàn thể; biết cái trước mắt, biết cả cái lâu dài; “biết cả khu rừng và biết cả từng cái cây hợp thành khu rừng ấy”. Sản phẩm của tư duy lý luận là tri thức lý luận, tri thức lý luận ấy đúng đắn, phù hợp với thực tiễn, nó sẽ là chân lý phổ biến. Tư duy kinh nghiệm có trình độ thấp hơn, diễn ra hàng ngày, gắn liền trực tiếp với các hoạt động sống của con người. Sản phẩm của tư duy kinh nghiệm là tri thức kinh nghiệm. Tri thức kinh nghiệm rất quan trọng và có giá trị nhất định, bởi vì nó là chân lý bộ phận (chưa hẳn là chân lý phổ biến); do vậy, nó có thể đúng trong trường hợp này, nhưng chưa chắc đã đúng trong trường hợp khác. Hai trình độ tư duy kinh nghiệm và tư duy lý luận bổ sung cho nhau trong quá trình con người nhận thức thế giới, tạo nên kho tàng tri thức phong phú của loài người và của mỗi cá nhân. Trong hoạt động thực tiễn cũng như trong hoạt động nhận thức, cần tránh rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm, do đề cao quá mức vai trò của nhận thức kinh nghiệm và tri thức kinh nghiệm, hạ thấp, xem thường nhận thức lý luận. Cũng như, tránh rơi vào giáo điều, sách vở, lý luận suông, khi chỉ biết có tư duy lý luận, coi thường tư duy kinh nghiệm; chỉ biết có tri thức lý luận, coi khinh tri thức kinh nghiệm. Cả hai sai lầm trên đều là những con đường ngăn nhất đi tới phản bội chủ nghĩa Mác - Lênin.

Từ thành công và chưa thành công của quá trình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở 10 năm qua, đã chỉ ra rằng, trình độ tư duy của cán bộ, đảng viên các cơ sở Đảng ở nông thôn nước ta đã từng bước được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu thực hiện nhiệm vụ ở các cơ sở (Nguyễn Hạnh Phúc, 2007; Phạm Văn Đình & cs., 2008). Tuy nhiên, sự phát triển tư duy của cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng còn không đồng đều, có sự đan xen phức tạp của các trình độ khác nhau. Nhìn chung trình độ tư duy phổ biến

của cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng hiện nay còn khá khiêm tốn, còn in đậm dấu ấn của tư duy kinh nghiệm, tư duy tiền khoa học, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, điều kiện còn nhiều khó khăn; điều đó, biểu hiện ở chỗ, nhiều địa phương, việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở còn rời rạc, không thường xuyên, thiếu phối kết hợp, không tạo được sự đồng bộ; còn nặng hình thức, làm qua loa chiếu lệ; thiếu tổ chức chặt chẽ, thụ động, chờ đợi; không kết hợp thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, giải quyết vấn đề cấp bách nảy sinh ở địa phương, do đó, hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở còn thấp. (Trương Quang Được, 2002; Nguyễn Thị Chiên, 2008; Đinh Trung Tụng, 2008; Đinh Công Tuấn, 2008).

Thứ ba, về tính chất của tư duy. Tính chất của tư duy nói lên, tư duy ấy đã phản ánh kịp thời sự vận động, phát triển của hiện thực chưa. Tư duy có nhạy bén không, có bảo thủ không, có khả năng dự báo không? Tư duy nào cũng vậy “vừa tối cao vừa không tối cao, vừa có hạn vừa vô hạn. Tối cao và vô hạn là xét theo bản tính, sứ mệnh, khả năng và mục đích lịch sử cuối cùng; không tối cao và có hạn là xét theo sự thực hiện riêng biệt và thực tế trong mỗi một thời điểm nhất định” (C. Mác, Ăngghen). Tính chất của tư duy còn nói lên tốc độ, nhịp độ của tư duy. Ngày nay tư duy phù hợp thực tiễn đổi mới là tư duy biện chứng khoa học. Với tư duy biện chứng khoa học, cán bộ, đảng viên các cơ sở Đảng có thể nhận thức đúng đắn, đầy đủ các chủ trương, đường lối của cấp trên, thể hiện thành các quyết sách phù hợp; tổ chức, vận động quần chúng thực hiện thành công các quyết sách ấy và kịp thời tổng kết rút kinh nghiệm, để không ngừng tiến bộ hơn.

Nói tới năng lực tư duy của cơ sở Đảng, là nói tới năng lực tư duy của từng cán bộ, đảng viên. Năng lực tư duy của cơ sở Đảng là sự tổng hòa, khái quát năng lực tư duy của mỗi cán bộ, đảng viên của cơ sở Đảng;

đó là sức mạnh trí tuệ của tập thể, nó có tác dụng định hướng năng lực tư duy của từng cán bộ, đảng viên trong cơ sở ấy. Ngược lại, năng lực tư duy của mỗi cán bộ, đảng viên phát triển theo định hướng chung của tư duy của cơ sở Đảng, nó là sự thể hiện cụ thể năng lực tư duy của cơ sở Đảng, đồng thời năng lực tư duy của mỗi cán bộ, đảng viên lại có những sắc thái riêng, độc đáo riêng, sinh động riêng.

Trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, từ khi ra đời đến nay, trong mọi hoàn cảnh lịch sử, Đảng luôn coi trọng vai trò của cán bộ, đảng viên; “Cán bộ là nhân tố quyết định thành, bại của cách mạng, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng” (Nghị quyết Trung ương Đảng từ 1966-1999); cán bộ như là “dây xích nối liền các bộ phận hợp thành cỗ máy, nếu các bộ phận của cỗ máy tốt mà dây xích không tốt, máy không hoạt động được” (Nguyễn Tiến Phôn, 1998). Vì vậy, kết quả và hiệu quả nâng cao năng lực tư duy của từng cán bộ, đảng viên có ý nghĩa quyết định đến kết quả, hiệu quả nâng cao năng lực tư duy của cơ sở Đảng, quyết định đến kết quả, hiệu quả thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở.

3.2. Nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng

3.2.1. Năng lực tư duy khoa học và đổi mới tư duy

Tư duy là hoạt động vật chất của bộ não con người, là hoạt động đặc thù của con người. Năng lực tư duy biểu hiện thực trạng khả năng tư duy của con người trong thời điểm lịch sử nhất định, là “tổng hợp các phẩm chất tâm, sinh lý, tri thức của chủ thể, nhằm đáp ứng các yêu cầu phát hiện và giải quyết một vấn đề nào đó do nhận thức và thực tiễn đặt ra với một mục đích xác định và đem lại hiệu quả nhất định” (Vũ Văn Viên, 2007). Cũng như tư duy, không phải tư duy nào cũng là tư duy khoa học, bởi vì không phải tư duy nào cũng giúp con người phản ánh được bản chất và quy luật của đối

tượng. Năng lực tư duy và năng lực tư duy khoa học cũng vậy. Chỉ năng lực tư duy nào, nhờ đó, con người phản ánh được logic nội tại, bản chất, quy luật của đối tượng; nhờ đó, hoạt động thực tiễn của con người phù hợp quy luật vận hành của đối tượng, đem lại hiệu quả cao nhất cho con người mới là năng lực tư duy khoa học. Năng lực tư duy khoa học thể hiện ở phẩm chất, giá trị của tư duy; ở trình độ, mức độ phù hợp của tư duy với đối tượng nhận thức; thể hiện ở tính chất, tốc độ, nhịp độ, tính nhạy bén, khả năng dự báo chính xác và tính logic chặt chẽ của tư duy. Thước đo năng lực tư duy khoa học chính là thực tiễn của con người. Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Năng lực tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên đáp ứng đòi hỏi của công cuộc đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở hiện nay thể hiện ở:

Thứ nhất, kịp thời tổng kết thực tiễn, đánh giá, rút kinh nghiệm, để một mặt, khắc phục những hạn chế, thiếu sót của tư duy cũ, mặt khác, kế thừa những thành tựu đã đạt được, nâng cao hơn nữa hiệu quả của các hoạt động của cơ sở Đảng; gắn việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với việc phát hiện, giải quyết một cách tốt nhất những vấn đề bức xúc nảy sinh, nhằm phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Thứ hai, tùy điều kiện hoàn cảnh cụ thể, tùy công việc cụ thể của địa phương, tư duy khoa học cần cụ thể hoá nội dung quy chế dân chủ ở cơ sở một cách linh hoạt, sáng tạo thành những chủ trương, quyết sách hoạt động thực tiễn của quần chúng; kịp thời phát hiện khâu đột phá để nâng kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở lên tầm cao mới, đáp ứng đòi hỏi mới của công cuộc đổi mới nông thôn, nông nghiệp.

Thứ ba, phải bám sát diễn biến của thực tiễn đổi mới đất nước, của tiến trình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trên phạm vi cả nước, cũng như địa phương mình, kịp thời phát hiện những nhân tố mới, cập nhật tri thức mới, bổ sung, hoàn thiện quy chế dân

chủ cơ sở, tiến tới hoàn thiện từng bước nền dân chủ XHCN ở nông thôn nước ta.

Thứ tư, yếu tố quan trọng, đóng vai trò quyết định, giúp triển khai tốt các nội dung trên, đó là, các cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng thật sự quán triệt sâu sắc thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa Mác-Lênin, và tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân trong quá trình đấu tranh giành mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Bởi vì, “Đảng không có chủ nghĩa như người không có trí khôn”; và “bây giờ, học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lenin” (Hồ Chí Minh toàn tập, 1981).

Như vậy, để nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên các cơ sở Đảng, đòi hỏi các cơ sở Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải làm nhiều việc, phải giải quyết nhiều vấn đề. Nhưng giải quyết những công việc ấy bằng cách nào? sẽ là xa lạ với bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và tư tưởng Hồ Chí Minh, nếu cán bộ, đảng viên các cơ sở Đảng giải quyết các công việc ấy một cách máy móc như thời kỳ trước đổi mới. Bởi vì, “bằng phương pháp tư duy của thời bao cấp trước đây nhiều năm, không ít trường hợp đã đưa sự nghiệp đến thất bại” (Phạm Ngọc Quang, 1995). Điều đó nghĩa là nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng nhằm đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình hiện nay ở nông thôn nước ta, chính là tiếp tục sự nghiệp đổi mới tư duy, khắc phục kịp thời những thiếu sót của tư duy cũ, hiện nay còn mắc phải, tiến tới nắm lấy tư duy biện chứng duy vật khoa học. Đổi mới tư duy trước đây 20 năm đã là khâu đột phá của công cuộc đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, thì nay, đổi mới tư duy tiếp tục là khâu đột phá để thực hiện nâng cao năng lực

lãnh đạo của Đảng, tăng cường hơn nữa hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hoàn thiện nền dân chủ XHCN ở nông thôn nước ta.

Tất nhiên, nhấn mạnh nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy khoa học bằng cách tiếp tục đổi mới tư duy, không có nghĩa là xem nhẹ vai trò và tầm quan trọng của phẩm chất cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng. Trong thực tế, phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên không bao giờ tách rời nhau, trái lại, chúng luôn tồn tại trong sự đan xen, tác động qua lại, quy định, xâm nhập vào nhau như máu và thịt trên cơ thể vậy. Vì thế, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng phải gắn liền với việc thường xuyên chỉnh đốn Đảng. Lênin từng viết: “tất cả vấn đề là ở chỗ, Đảng cầm quyền, phải biết làm cho hàng ngũ của mình luôn luôn được trong sạch” (Lênin toàn tập, 1981).

3.2.2. Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng, nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở nông thôn hiện nay

Công cuộc đổi mới đất nước, đã làm cho tư duy của cán bộ, đảng viên ở các cơ sở Đảng có nhiều chuyển biến tích cực, cách nhìn nhận mới, cách suy nghĩ mới đã được xác lập. Nhiều cái sai đã bị loại bỏ, nhiều cái lỗi thời, lạc hậu đã bị vượt qua. Cái đúng đắn, cái tích cực đã được khẳng định, năng lực tư duy của Đảng đã được nâng lên tầm cao mới. Nhưng như thế đã đủ chưa? Tụt hậu về kinh tế, về khoa học công nghệ là điều dễ nhận ra, không còn phải bàn cãi gì nữa. Nhưng cái gốc của mọi sự tụt hậu là tụt hậu về tư duy, về trí tuệ là điều không dễ nhìn ra được. Vai trò của kinh tế tư nhân, đảng viên làm kinh tế tư nhân đã rõ, và đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn; quy chế dân chủ ở cơ sở thực hiện đã hơn 10 năm, quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội ở nông thôn diễn ra sâu, rộng, thành tựu nó mang

lại rất to lớn, đó là điều không còn nghi ngờ. Thế nhưng, đến nay trong Đảng, tại sao vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau? thậm chí trái ngược nhau? Rõ ràng về mặt nhận thức, về mặt tư duy của Đảng, vẫn còn có thiếu hụt, cần được bồi đắp. Nhiều vấn đề lý luận, ngay cả lý luận về dân chủ và quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn cần được tiếp tục làm sáng tỏ. Nghĩa là, đổi mới tư duy, nhằm nâng cao năng lực tư duy khoa học, năng lực lãnh đạo của Đảng vẫn đang là đòi hỏi cấp bách, khách quan.

Tư duy là quá trình nhận thức diễn ra trong đầu óc con người. Mục tiêu của tư duy là chân lý. Đổi mới tư duy là khắc phục thiếu sót, sai trái của tư duy cũ, nâng tư duy lên tầm cao mới. Thực tiễn diễn biến càng phức tạp, đòi hỏi năng lực tư duy khoa học càng cao, càng cần đổi mới tư duy, tiếp cận tư duy biện chứng duy vật, vì tư duy biện chứng duy vật là công cụ nhận thức vĩ đại của nhân loại (Lênin) Với tư duy biện chứng duy vật, sẽ làm cho tư duy phản ánh bản chất, quy luật của đối tượng chính xác hơn, đầy đủ hơn, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao hơn của thực tiễn. Anh-Xtanh từng viết: “khoa học càng phát triển bao nhiêu, các nhà khoa học càng cần nắm lấy phép biện chứng duy vật bấy nhiêu” là như vậy. Đổi mới tư duy không có gì xa lạ, ghê gớm, mà thực chất chỉ là “gạt bỏ những gì sai trái, lệch lạc, lỗi thời của tư duy cũ, đồng thời, bổ sung những gì mới mẻ, trên cơ sở kế thừa, phát huy những cái đúng đã có từ trước, làm cho nhận thức đối tượng đúng đắn hơn, phản ánh đúng thực tiễn hơn, hướng đất nước đi lên phù hợp quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, của sự phát triển đất nước, con người Việt Nam” (Đặng Xuân Kỳ và Phạm Xuân Hằng, 2000).

Vậy thì rõ ràng, đổi mới tư duy của cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn quy chế dân chủ ở cơ sở, không còn có gì là trừu tượng, khó hiểu cả. Vấn đề là ở chỗ, để đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học, cán bộ, đảng viên

ở cơ sở Đảng cần phải làm gì? tất nhiên, đổi mới tư duy của cơ sở Đảng phải thông qua đổi mới tư duy của từng cán bộ, đảng viên. Quá trình khắc phục tư duy cũ, xây dựng, phát triển tư duy mới ở từng cán bộ, đảng viên lại gắn liền với lợi ích địa vị của từng người, do đó, đổi mới tư duy, quyết không thể là quá trình đơn giản, dễ dàng, mà nó là quá trình phức tạp, khó khăn, thậm chí diễn ra đấu tranh gay gắt, quyết liệt giữa cũ và mới. Thực tiễn thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở chứng minh điều đó. Quá trình thực hiện công khai hoá, minh bạch hoá các hoạt động tài chính công, công khai quy hoạch đất đai, thực hiện nguyên tắc, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra... ở các cơ sở đâu có dễ. Đã xuất hiện khá nhiều những biến tướng của dân chủ, thành thứ dân chủ nửa vời, dân chủ hình thức, dân chủ kiểu phường hội; khoác áo dân chủ để mưu cầu lợi ích cá nhân, cục bộ...đó sao? Vì vậy, để thực hiện đổi mới tư duy, tiến tới tư duy khoa học - tư duy biện chứng duy vật - đòi hỏi toàn Đảng cũng như mỗi cán bộ đảng viên ở cơ sở Đảng phải biết tự vượt lên chính bản thân mình, phải nắm lấy, vươn tới cái đúng đắn, cái mới, và phải dứt khoát với cái cũ, lỗi thời níu kéo; mặc dù nhiều khi phân biệt cái cũ, cái mới, cái đúng, cái sai không dễ; nhiều khi phải dứt khoát với những lợi ích, bổng lộc...không dễ gì có được là một nỗi đau.

Đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng, tăng cường hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ cơ sở ở nông thôn hiện nay cần phải được diễn ra trên cả ba phương diện: nhận thức, tư tưởng và phương pháp tư duy. Muốn vậy theo chúng tôi, cần quán triệt các nguyên tắc cơ bản sau đây:

Nguyên tắc thứ nhất, là nguyên tắc cơ bản nhất, bao trùm nhất và là cơ sở xuất phát của các nguyên tắc khác, đó là, kiên định quan điểm đã được khẳng định trong cương lĩnh của Đảng: “Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư

tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng”; Quán triệt sâu sắc chủ trương, chính sách cũng như những quan điểm của Đảng về phát triển nông thôn, nông nghiệp, xây dựng nông thôn Việt Nam mới, hiện đại. Quán triệt đầy đủ mục đích, yêu cầu, thấy hết ý nghĩa lớn lao của việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo chỉ thị 30-CT/TW của Bộ chính trị trung ương Đảng và các Nghị định sau đó của Chính phủ đã ban hành. Trong đó, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận, phương pháp luận chung, là tiên đề, điều kiện tiên quyết giúp cán bộ, đảng viên nhận thức và hành động.

Nguyên tắc thứ hai, thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nhất là kiến thức thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ phát triển nông thôn, nông nghiệp; bồi dưỡng, cập nhật những kinh nghiệm tổng kết rút ra từ thực tiễn và kinh nghiệm thực hiện quy chế dân chủ từ các địa phương, các cơ sở khác. Quá trình bồi dưỡng cập nhật tri thức phải được tiến hành thường xuyên, định kỳ và bằng nhiều con đường khác nhau, kể cả con đường tự bồi dưỡng, tự học tập. Học tập lý luận phải gắn liền với bồi dưỡng kiến thức thực tiễn. Học cái gì, học đến mức nào, học bằng cách nào, không thể tùy tiện, mà phải căn cứ vào nhu cầu thực hiện nhiệm vụ và điều kiện hoàn cảnh của địa phương, của cơ sở đặt ra.

Nguyên tắc thứ ba, tạo dựng môi trường xã hội đồng thuận ở nông thôn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đây là nguyên tắc rất thiết thực và rất quan trọng. Môi trường xã hội là yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ tới quá trình tư duy và sự phát triển năng lực tư duy khoa học của mỗi cá nhân. Ở nông thôn hiện nay, từ thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở những năm qua, chúng tôi thấy có hai khía cạnh quan trọng nhất, cơ bản nhất của môi trường xã hội nhằm phát huy năng lực tư duy khoa học của cán bộ, đảng viên cơ sở Đảng, đó là, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch

các quan hệ xã hội, thực sự tôn trọng dân chủ của người dân và thứ hai là trình độ dân trí; nếu sự hiểu biết về tri thức về văn hoá, về vai trò của nông thôn, nông nghiệp... của người dân yếu kém, sẽ kéo theo sự trì trệ của cán bộ, đảng viên, kìm hãm năng động, sáng tạo trong tư duy của họ.

Ở đây, nảy sinh một số vấn đề vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa có ý nghĩa cơ bản lâu dài, trước hết, đó là việc xác định đúng đắn vai trò vị trí của nông dân, nông thôn, nông nghiệp; xác định chính xác mô hình phát triển nông thôn Việt Nam hiện tại và tương lai. Điều này có tác dụng kích thích, “cởi trói”, tạo niềm tin để cán bộ, đảng viên yên tâm hướng tới tư duy khoa học. ở các cơ sở Đảng nông thôn, hầu hết cán bộ, đảng viên đều băn khoăn về vai trò vị trí của nông thôn, nông dân, nông nghiệp hiện tại. Phải chăng, nông thôn, nông nghiệp chỉ là “hậu phương” của thành phố, chỉ là phần phụ của xã hội, trong khi nông thôn là rộng lớn, nông dân là đa số và họ cung cấp của cải vật chất nuôi sống toàn xã hội? CNH, HĐH có phải sẽ “làm mất” nông thôn, nông dân, nông nghiệp hay không? Tương lai của nông thôn, nông dân, nông nghiệp sẽ ra sao? “Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu”, nhưng thực tế những năm qua, bên cạnh những khởi sắc, nông nghiệp, nông thôn, nông dân đã phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề. Dường như chính CNH, HĐH đã “dồn” nông dân, nông nghiệp vào tình cảnh ngày càng khó khăn hơn? Tâm lý thoát ly nông thôn khỏi cảnh tay nắm, chân bùn, lam lũ vất vả vẫn chủ đạo trong tâm tư, suy nghĩ của lớp trẻ. Đây là chưa kể tệ nạn xã hội đã từ thành phố xâm nhập về nông thôn, rình rập cuộc sống mọi gia đình, giải phóng mặt bằng, bồi thường đất đai... đã làm xuất hiện không ít thất vọng, nghịch lý; ít nhiều đã xáo trộn cuộc sống vốn bình yên của làng quê Việt Nam. Rõ ràng tư duy mới phải lý giải được những băn khoăn trăn trở trên của nhiều cán bộ, đảng viên ở các cơ sở Đảng, có vậy,

mới tạo dựng được động lực phát triển năng lực tư duy khoa học của họ, làm đầu tàu các phong trào dân chủ xây dựng nông thôn Việt Nam mới.

Vấn đề nảy sinh thứ hai, có ảnh hưởng tới việc xác lập môi trường xã hội đồng thuận ở nông thôn, thúc đẩy đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở, đó là vấn đề vai trò, vị trí và tương lai của kinh tế hộ gia đình nông dân. Từ kinh tế hợp tác xã trước đây, chuyển sang kinh tế hộ gia đình nông dân là bước chuyển quan trọng, có ý nghĩa bước ngoặt, tạo cho nông nghiệp, nông thôn những năm qua có bước phát triển mạnh mẽ, đó là điều không còn phải bàn cãi. Nhưng cũng từ kinh tế hộ gia đình nông dân đã dẫn tới phân hoá giàu, nghèo; cầm cố ruộng đất, tha phương kiếm sống... thuần phong, mỹ tục ở nông thôn bị xói mòn, đạo đức xuống cấp, nhiều “người cày có ruộng” nay đã lại bị “tước” mất. Vậy, dân chủ, làm chủ thế nào? Và tương lai nông thôn sẽ ra sao? vấn đề đổi mới tư duy của cán bộ, đảng viên ở nông thôn phải bắt nguồn từ những bức xúc ấy, và cũng phải giải đáp được những bức xúc ấy một cách thuyết phục nhất.

Nguyên tắc thứ tư, coi trọng công tác cán bộ. Đây là nguyên tắc rất quan trọng để nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng hiện nay. Công tác cán bộ ở cơ sở nông thôn bao gồm nhiều nội dung phức tạp như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bổ nhiệm, cất nhắc cán bộ, chính sách đãi ngộ cán bộ... Thực tế những năm qua, ở nhiều cơ sở nông thôn có khá nhiều hiện tượng cán bộ cơ sở xin thôi việc, bỏ việc, làm việc tác trách... vì sao vậy? Có phải vì họ thiếu nhiệt tình? Có rất nhiều lý do khác nhau, nhưng lý do quan trọng nhất đó là, chính sách đãi ngộ cán bộ chưa thoả đáng (Báo điện tử Dân trí ngày 1/11/2007, ngày 12/7/2007, ngày 25/5/2008, ngày 16/6/2008, ngày 12/7/2008, ngày 4/8/2008...). Như vậy, đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học, cần tạo được những nhân tố kích

thích, đóng vai trò là động lực thúc đẩy tư duy của cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng, kích thích khả năng làm việc của họ với hệ thống chính sách đại ngộ thoả đáng. Muốn vậy, phải giải quyết cùng một lúc nhiều việc, trong đó có hai việc quan trọng sau đây:

Thứ nhất, cần tạo được những điều kiện để đội ngũ cán bộ cơ sở yên tâm công tác và cống hiến, như đẩy mạnh thực hiện dân chủ, bảo đảm lợi ích thoả đáng, gắn quyền lợi với trách nhiệm...

Thứ hai, bố trí, đánh giá cán bộ phải khách quan, khoa học, nghĩa là phải căn cứ vào hiệu quả công việc của họ, nhất là khả năng ra những quyết sách và khả năng tổ chức, vận động quần chúng thực hiện những quyết sách ấy. Phải có cơ chế khuyến khích người tài và trọng dụng nhân tài.

Trên đây là những nguyên tắc cơ bản để thực hiện đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng nông thôn hiện nay. Mỗi nguyên tắc là một vấn đề lớn và chúng tác động lẫn nhau, tổng hoà thành hệ thống, trong đó yếu tố chỉ đạo thực hiện hệ thống ấy là mỗi cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu quán triệt thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật. Vì vậy, quán triệt thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vẫn là điều kiện tiên quyết dẫn đến thành công của sự nghiệp đổi mới toàn diện nông thôn, nông nghiệp nước ta hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, đó là cơ chế vận hành xã hội ta trên con đường tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuy nhiên tùy điều kiện lịch sử cụ thể, tùy từng lĩnh vực cụ thể và thời điểm cụ thể, cơ chế ấy cần được vận dụng linh hoạt, phù hợp. Mỗi yếu tố hợp thành cơ chế ấy có vai trò, vị trí khác nhau, không thể thay thế, trong đó, quan trọng nhất, quyết định nhất,

giữ vai trò là nền tảng, xuất phát điểm của các yếu tố khác, đó là vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn hệ thống. Để hoàn thành sứ mạng lãnh đạo của mình, Đảng phải vươn lên không ngừng, phải thường xuyên nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy khoa học, đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn đất nước.

Cơ sở Đảng là nhân tố trọng yếu hợp thành, là yếu tố quyết định sức sống của hệ thống chính trị ở cơ sở. Cơ sở Đảng là nơi trực tiếp gắn dân với Đảng, Đảng với dân, là nơi đương đầu với mọi thử thách, là nơi phát hiện giải quyết mâu thuẫn. Cơ sở Đảng có vững mạnh, Đảng mới vững mạnh; Đảng vững mạnh sẽ củng cố, phát triển cơ sở Đảng vững mạnh. Vì vậy, thường xuyên đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy khoa học của cơ sở Đảng là qui luật tồn tại, phát triển của Đảng cầm quyền; và cũng là yêu cầu bức xúc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân, trước hết là nông dân.

Để thực hiện nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực tư duy khoa học của cơ sở Đảng, phải làm nhiều việc, nhưng việc làm trước hết, quan trọng nhất hiện nay, là tiếp tục đổi mới tư duy. Việc đổi mới tư duy, nâng cao năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở Đảng là cái gốc, là xuất phát điểm để thực hiện đổi mới các lĩnh vực hoạt động khác, trong đó có đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị Trung ương Đảng CSVN, Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18/2/1998.
- Chính phủ nước CHXHCNVN, Nghị định 29/NĐ-CP ngày 19/5/1998.
- Các nghị quyết của Trung ương ĐCSVN giai đoạn 1966-1999, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 63.
- Nguyễn Thị Chiên (2008). Tình hình thực hiện quy chế dân chủ ở Nghệ An - thực trạng và giải pháp, *Tạp chí Lý luận chính*

- trị và truyền thông số tháng 3/2008 trang 31;
- Đảng CSVN, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần X, NXB Chính trị QG, Hà Nội, 2006, trang 19, tr.42.
- Phạm Văn Đình, Nguyễn Minh Đức, Đỗ Thị Thanh Huyền (2008)- Những vấn đề cần quan tâm giải quyết đối với công tác bồi dưỡng cán bộ cơ sở nông thôn ngoại thành Hà Nội, *Tạp chí Khoa học và phát triển* số 2-2008, tr.202.
- Trương Quang Đức (2002). Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở, *Tạp chí Cộng sản* 4/2002 trang 6.
- Trần Đắc Hiếu, Thang Văn Phúc (2006). Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở - thành tựu, hạn chế và một số giải pháp chủ yếu. Kỷ yếu hội thảo khoa học tại đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, trang 68,
- Hồ Chí Minh toàn tập, tập 2, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 181, tr. 423.
- Nguyễn Tiến Phần (1998) . Hồ Chí Minh với công tác cán bộ, *Tạp chí Triết học*, số 6, 1998, trang 46
- Vũ Như Khôi (2007). Phát huy dân chủ trong Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, báo điện tử Đảng CSVN cập nhật ngày 6/3/2007.
- Nguyễn Hạnh Phúc (2007). Thực hiện quy chế dân chủ ở Thái Bình, thành tựu và kinh nghiệm, báo điện tử *Tạp chí cộng sản* số 5/2007, cập nhật ngày 17/5/2007.
- Nguyễn Linh Khiếu (2007). Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng để phát huy dân chủ trong thời kỳ đổi mới, báo điện tử *Tạp chí cộng sản* số 7/2007, cập nhật ngày 10/4/2007.
- Đặng Xuân Kỳ, Phạm Xuân Hằng (2000). Khoa học xã hội và nhân văn với sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 211
- Nguyễn Chí Mỹ (2005)- Sự nghiệp đổi mới và đổi mới công tác tư tưởng thực hiện dân chủ ở cơ sở xã, phường Hà Nội. NXB Hà Nội, 2005 tr18-22, 40-44, 60-63
- Đình Công Tuấn (2008), Quy chế dân chủ ở cơ sở tại Việt Nam, *Tạp chí Khoa học xã hội* tháng 3/2008, tr. 26, tr.28
- Đình Trung Tụng - Thứ trưởng Bộ Tư pháp (2008)- Thực hiện dân chủ để phát triển bền vững. Bài đăng trên báo: Pháp luật Việt Nam ngày 15/9/2008 tr 5, do phóng viên Hải An ghi.
- Vũ Văn Viên (2007) Nâng cao năng lực tư duy khoa học cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo - yếu tố quan trọng nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, *Tạp chí Triết học*, số 12-2007, trang 16.
- Phạm Ngọc Quang (1995). Quan điểm của Lênin về vai trò của trí tuệ đối với việc giữ vững vị trí lãnh đạo của Đảng, *Tạp chí Triết học*, số 2-1995, trang 6.
- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng CSVN, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2006, tr20.